

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2022/DS-ST**

Ngày: 18 - 02 - 2022

V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Mai Tấn Đầu**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Ông **Huỳnh Quốc Diện**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lữ Cẩm Nhung** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:* Bà **Huỳnh Tấn Lực** - Chức vụ: *Kiểm sát viên*

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2021/TLST- DS, ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-Ds ngày 21/01/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp HT, xã ĐH, huyện GQ, tỉnh KG.

* *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Ngọc Th**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Ông **Tô Bửu T**, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2020 và các lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Vào ngày 30/9/2019 dương lịch, bà có cho bà Huỳnh Ngọc Th vay số tiền 30.000.000 đồng, khi vay có chồng bà Th là ông Tô Bửu T chứng kiến và ông T cũng có ký giấy bảo lãnh cho khoản vay của bà Th. Khi vay thỏa thuận lại suất là 2,5%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng, tiền gốc trả dứt vào tháng 02/2021. Tuy nhiên sau đó bà Th và ông T không trả dứt số tiền gốc và lãi nêu trên mà cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác. Đến ngày 30/7/2020 thì bà Th có trả cho bà được số tiền lãi là 8.200.000 đồng, số tiền còn lại đến nay không trả tiếp. Nay bà yêu cầu buộc bà Th và ông T cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng lãi là 2.160.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 32.160.000 đồng cùng tiền lại phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày 16/12/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị N có ý kiến: Yêu cầu buộc bà Th và ông T cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 2.160.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 32.160.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết chị Huỳnh Ngọc Th đã trình bày:* Chị thừa nhận có vay tiền của bà N số tiền đúng như bà niệm trình bày, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên hiện nay chưa có tiền trả một lần theo yêu cầu của chị N. Tuy nhiên trước đó chị có đóng lãi cho chị N được số tiền 8.200.000 đồng, do đó chị yêu cầu Tòa án xem xét lại căn trừ vào số tiền lãi chị đã đóng cho bà N. Đối với yêu cầu của chị N buộc chị cùng ông T trả số tiền vay gốc là 30 triệu và tiền lãi là 2.160.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 32.160.000 đồng cùng tiền lại phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày 16/12/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ thì chị đồng ý, nhưng chị xin trả dần số tiền trên đến tháng 9/2021 là dứt nợ.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/3/2021 ông Tô Bửu T trình bày:* Anh thừa nhận chữ viết và chữ ký là của anh trên giấy bảo lãnh, anh cũng đồng ý trả ½ số tiền cho bà N nhưng xin trả dần do hiện nay hoàn cảnh khó khăn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và người tham gia tố tụng trong vụ án*

từ khi thụ lý đến thời điểm nghị án tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối buộc bị đơn chị Huỳnh Ngọc Th và anh Tô Bữu T phải trả tiền nợ tổng cộng gốc và lãi là 32.160.000 đồng cho nguyên đơn Trần Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn chị Huỳnh Ngọc Th và anh Tô Bữu T đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, đúng theo quy định nhưng chị Th, anh T vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa bà Trần Thị N yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn Huỳnh Ngọc Th và Tô Bữu T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Huỳnh Ngọc Th và Tô Bữu T.

[3] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị N yêu cầu buộc chị Huỳnh Ngọc Th và anh Tô Bữu T cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 2.160.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 32.160.000 đồng. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản*”.

[4] - Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị N yêu cầu buộc chị Huỳnh Ngọc Th và anh Tô Bữu T cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 2.160.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 32.160.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi suất; Bị đơn chị Huỳnh Ngọc Th thừa nhận có nợ của bà N số tiền nêu trên; Anh Tô Bữu T xác nhận sẽ chịu $\frac{1}{2}$ số nợ cùng với chị Th để trả cho bà N.

[4.1] - Hội đồng xét xử nhận thấy: Giao dịch vay tài sản giữa nguyên đơn bà Trần Thị N với bị đơn chị Huỳnh Ngọc Th là hoàn toàn tự nguyện, không bị

ai ép buộc và phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn chị Huỳnh Ngọc Th đã nhận được tài sản thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Nhưng chị Huỳnh Ngọc Th cho rằng gia đình hiện tại gặp nhiều khó khăn, chị không có khả năng trả tiền một lần cho bà N được. Chị xin trả dần số tiền này cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của chị Huỳnh Ngọc Th là không có cơ sở chấp nhận vì như thế sẽ kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Mặt khác, tại phiên tòa nguyên đơn cũng không đồng ý cho chị Th trả dần số tiền trên.

[4.2] - Đối với việc bảo lãnh của anh Tô Bữu T thì chính anh cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết trên giấy bảo lãnh (BL 04) là của anh và anh cũng xác nhận sẽ liên đới cùng với chị Huỳnh Ngọc Th trả tiền cho bà Trần Thị N (BL 16) ý kiến này là tự nguyện, không bị ai ép buộc và phù hợp với pháp luật nên ghi nhận.

[4.3] - Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N buộc chị Huỳnh Ngọc Th và anh Tô Bữu T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị N số tiền 32.160.000 đồng là hoàn toàn phù hợp, đúng theo quy định của pháp luật.

[5] - Xét quan điểm của đại viện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận nên ghi nhận để xem xét.

[6] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn chị Huỳnh Ngọc Th và anh Tô Bữu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.608.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 805.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001477 ngày 21/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản*” đối với bị đơn chị Huỳnh Ngọc Th và Tô Bữu T.

2 - Buộc bị đơn chị Huỳnh Ngọc Th và anh Tô Bữu T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị N số tiền tổng cộng là 32.160.000 đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3 - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn chị Huỳnh Ngọc Th và anh Tô Bữu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.608.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 805.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001477 ngày 21/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4 - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Mai Tấn Đầu